

THÔNG BÁO

Cam kết chất lượng giáo dục của trường tiểu học, năm học 2022 - 2023

TT	Nội dung	Chia theo khối lớp				
		Lớp 1	Lớp 2	Lớp 3	Lớp 4	Lớp 5
	Điều kiện tuyển sinh	Tổng số học sinh 130 HS (5 lớp)	Tổng số học sinh 143 HS (5 lớp)	Tổng số học sinh 173 HS (5 lớp)	Tổng số học sinh 165 HS (5 lớp)	Tổng số học sinh 182 HS (5lớp)
	Chương trình giáo dục mà cơ sở giáo dục thực hiện.	1. Tuổi của học sinh tiểu học từ 6 đến 14 tuổi (tính theo năm) 2. Tuổi vào học lớp 1 là 6 tuổi gồm trẻ em có hộ khẩu thường trú, tạm trú thuộc địa bàn xã Kiến Thiết. - Chương trình giáo dục phổ thông 2018 thực hiện cho lớp 1,2,3 năm học 2022-2023; - Chương trình giáo dục phổ thông cấp Tiểu học đã được Bộ GDĐT ban hành theo Quyết định số 16/2016/QĐ- BGDDĐT ngày 05/05/2006 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, thực hiện cho lớp 4,5.				
	Yêu cầu về phối hợp giữa cơ sở giáo dục và gia đình về thái độ học tập của học sinh.	1. Yêu cầu về phối hợp giữa cơ sở giáo dục và gia đình - Thực hiện theo thông tư 55/2011/TT – BGDDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo ngày 22/11/2011 ban hành Điều lệ Ban Đại diện Cha mẹ học sinh. - Cơ sở giáo dục thường xuyên thông tin các hoạt động của trường, của ngành thông qua hệ thống bảng tin trang web, sổ liên lạc của đơn vị. - Họp cha mẹ học sinh 3 kỳ /năm. - Thông tin về Thông tư số 22/2016/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo đánh giá học sinh tiểu học (lớp 4,5). - Thông tin về Thông tư số 27/2020/TT-BGDĐT ngày 04/09/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo đánh giá học sinh tiểu học (lớp 1,2,3). - Gia đình thường xuyên trao đổi với giáo viên chủ nhiệm qua sổ liên lạc, điện thoại.				

2. Yêu cầu về thái độ học tập của học sinh

- Chấp hành tốt các nội quy của học sinh.
- Thái độ học tập tích cực, chủ động.
- Thực hiện tốt 5 điều Bác Hồ dạy.
- Biết cách tự học, tự giác và có kỉ luật.
- Năng động, sáng tạo, biết hợp tác và chia sẻ.
- Sinh hoạt tập thể, sinh hoạt dưới cờ theo từng chủ điểm, hoạt động ngoại khóa theo yêu cầu thực tế, phù hợp với từng lứa tuổi học sinh.
- Sinh hoạt Đội, Sao nhi đồng.
- Tổ chức hội giao lưu văn nghệ, trò chơi dân gian.
- Tổ chức Lễ phát động: Tháng an toàn giao thông chủ đề năm học.
- Tổ chức các hoạt động trải nghiệm sáng tạo.

Các hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt của học sinh ở cơ sở giáo dục.

IV

Khối I

1. Năng lực	Tổng số HS	Tốt		Đạt		Cần cố gắng	
		SL	Tỷ lệ	SL	Tỷ lệ	SL	Tỷ lệ
Năng lực chung	130	100	76,9%	28	21,6%	2	1,5%
	130	104	80,0%	24	18,5%	2	1,5%
	130	95	73,0%	33	25,5%	2	1,5%
Năng lực đặc thù	130	100	76,9%	28	21,6%	2	1,5%
	130	104	80,0%	24	18,5%	2	1,5%
	130	100	76,9%	28	21,6%	2	1,5%
2. Phẩm chất	130	104	80,0%	24	18,5%	2	1,5%
	130	105	80,7%	23	17,8%	2	1,5%
	130	107	82,3%	21	16,2%	2	1,5%

Kết quả năng lực, phẩm chất, sức khỏe của học sinh dự kiến đạt được.

V

Chăm chỉ	130	104	80,0%	24	18,5%	2	1,5%
Trung thực	130	107	82,3%	21	16,2%	2	1,5%
Trách nhiệm	130	103	79,2%	25	19,3%	2	1,5%

Khối 2

1. Năng lực	Tổng số HS	Tốt		Đạt		Cần cố gắng	
		SL	Tỷ lệ	SL	Tỷ lệ	SL	Tỷ lệ
Năng lực chung	143	100	70%	41	29%	2	1%
	143	120	84%	21	15%	2	1%
	143	105	73,4%	36	25,6%	2	1%
Năng lực đặc thù	143	100	70%	41	29%	2	1%
	143	100	70%	41	29%	2	1%
	143	100	70%	41	29%	2	1%
	143	110	77%	33	23%	0	0%
	143	130	91%	13	9%	0	0%
2. Phẩm chất	143	125	87,4%	18	12,6%	0	0%
	143	100	70%	43	30%	0	0%
	143	120	84%	23	16%	0	0%
	143	100	70%	43	30%	0	0%

Khối 3

1. Năng lực	Tổng số HS	Tốt		Đạt		Cần cố gắng	
		SL	Tỷ lệ	SL	Tỷ lệ	SL	Tỷ lệ
Năng lực chung	172	127	73,8	45	26,2	0	
	172	130	75,5	42	24,5	0	
	172	125	72,6,	47	27,4	0	
Năng lực đặc thù	172	122	70,9	42	24,5	0	
	172	121	70,3	51	29,7	0	
	172	125	72,6	47	27,4	0	
	172	130	75,5	42	24,5	0	

2. Phẩm chất	Thể chất	172	127	73,8	45	26,2	0
	Yêu nước	172	130	75,5	42	24,5	0
	Nhân ái	172	127	73,8	45	26,2	0
	Chăm chỉ	172	121	70,3	51	29,7	0
	Trung thực	172	130	75,5	42	24,5	0
	Trách nhiệm	172	125	72,6	47	27,4	0

Khối 4

	Tổng số	Tốt		Đạt		Cần cố gắng	
		SL	Tỷ lệ	SL	Tỷ lệ	SL	Tỷ lệ
1. Năng lực	Tự phục vụ, tự quản	165	118	71.5	47	28.5	
	Hợp tác	165	115	69.7	50	30.3	
	Tự học và giải quyết vấn đề	165	117	70.9	48	29.1	
2. Phẩm chất	Chăm học, chăm làm	165	120	72.7	45	27.3	
	Tự tin, trách nhiệm	165	120	72.7	45	27.3	
	Trung thực, kỷ luật	165	123	74.5	42	25.5	
	Đoàn kết, yêu thương	165	129	78.2	36	21.8	

Khối 5

	Tổng số	Tốt		Đạt		Cần cố gắng	
		SL	Tỷ lệ	SL	Tỷ lệ	SL	Tỷ lệ
1. Năng lực	Tự phục vụ, tự quản	182	128	70,3	54	29,7	
	Hợp tác	182	132	72,5	50	27,5	
	Tự học và giải quyết vấn đề	182	135	74,2	47	25,8	
	Chăm học, chăm làm	182	132	72,5	50	27,5	
2. Phẩm chất	Tự tin, trách nhiệm	182	132	72,5	50	27,5	
	Trung thực, kỷ luật	182	135	74,2	47	25,8	
	Đoàn kết, yêu thương	182	135	74,2	47	25,8	

	<ul style="list-style-type: none">- Lễ phép, tích cực, năng động.- Được giáo dục về kĩ năng sống; Có ý thức bảo vệ môi trường.- Giữ vững hiệu suất đào tạo, hoàn thành chương trình lớp học đạt 99,2%.- Học sinh lớp 5 hoàn thành chương trình Tiểu học 100%.- Không có học sinh bỏ học.- Đảm bảo vệ sinh an toàn cho học sinh- Thường xuyên tổ chức vệ sinh trường lớp.- 100% học sinh được chăm sóc sức khỏe ban đầu.- 100% học sinh tham gia bảo hiểm y tế.- Có kiến thức, kĩ năng cơ bản vững chắc.- Đủ sức khỏe để học ở lớp trên hoặc cấp học trên.- Tăng cường công tác thăm định và bàn giao chất lượng giáo dục giữa lớp dưới với lớp trên cũng như giữa Tiểu học lên THCS.- Tăng cường giáo dục kĩ năng sống cho học sinh.
Khả năng học tập tiếp tục của HS.	

Kiến Thiết, ngày 02 tháng 12 năm 2022

Thủ trưởng đơn vị



Đỗ Thị Ngân